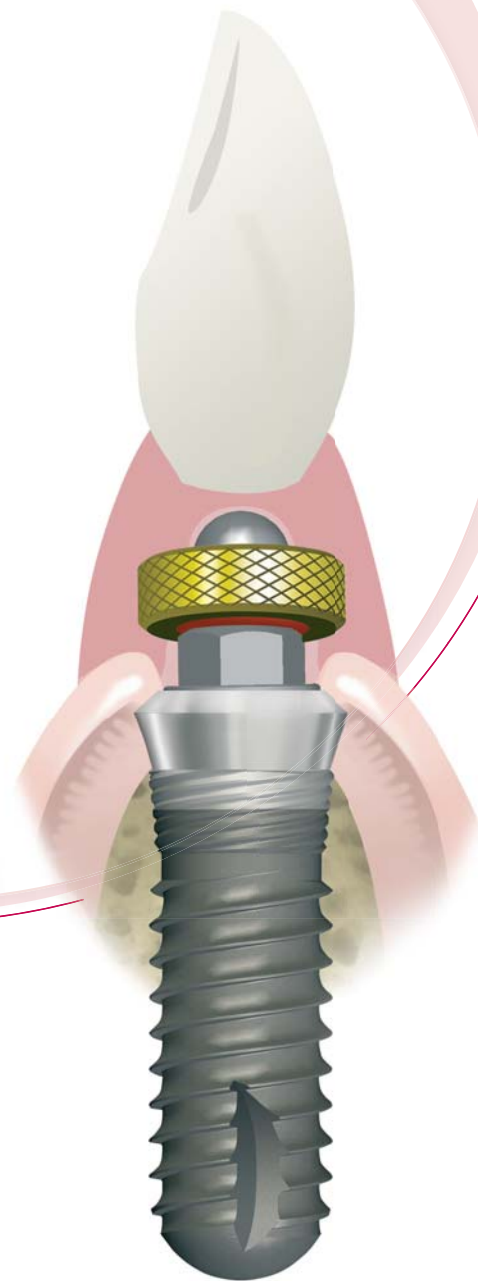


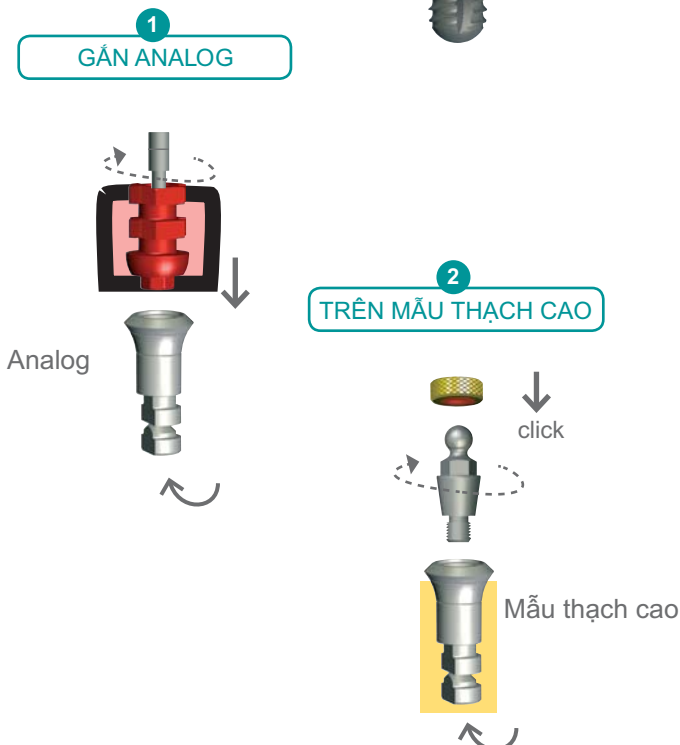
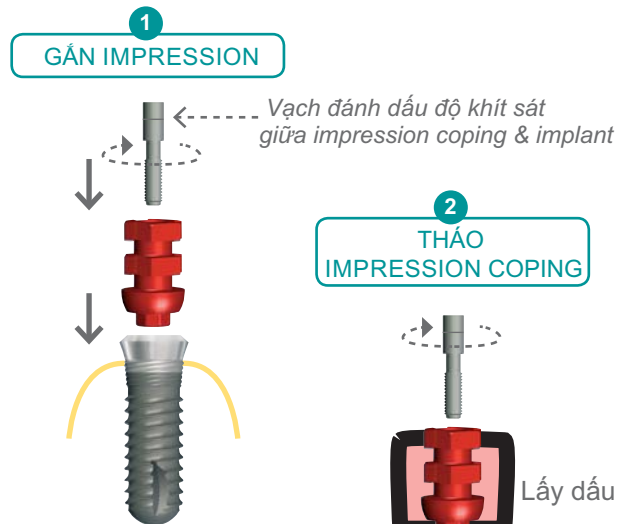
# PHỤC HÌNH TOÀN HÀM TRÊN ATTACHMENT



Photo credit : Dr BEAUMONT (France)



# QUI TRÌNH CHÍNH XÁC VÀ ĐƠN GIẢN



- 1 Gắn impression coping pick up trên implant để lấy dấu. Kiểm tra độ khít sát giữa impression coping & implant bằng cách quan sát vạch đánh dấu trên con ốc.
- 2 Tháo ốc của impression coping để lấy khay ra khỏi miệng bệnh nhân.
- 3 Gắn analog vào impression coping.

## CÁC BƯỚC TRONG LABO

- 4 Đổ mẫu thạch cao.
- 5 Gắn ball abutment lên analog trên mẫu.
- 6 Gắn attachment lên ball abutment.
- 7 Hoàn tất toàn hàm.
- 8 Kết nối toàn hàm và attachment bằng một loại nhựa đặc biệt.
- 9 Khử hàm và điều chỉnh khớp cắn.
- 10 Gắn ball abutment trên implant và gắn phục hình vào miệng. Kiểm tra sự đè ép trên niêm mạc.

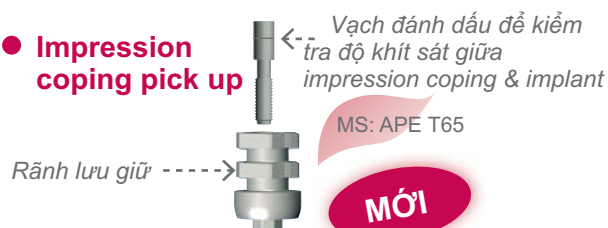
## MỘT CÁCH LẤY DẤU KHÁC

Có thể lấy dấu trên ball abutment. Trong trường hợp này không cần dùng impression coping mà dùng analog ball abutment (xem trang tiếp theo).

# PHỤC HÌNH TOÀN HÀM TRÊN ATTACHMENT WIDE PLATFORM



## ● Impression coping pick up



MS: APE T65

MỚI

- Được đóng gói kèm với con ốc M2 dài bằng titanium TA6V (MS: APV VT 20 154).
- Được vận bằng tay (MS: CCL HE 12 22) hoặc bằng máy (MS: CMA HE 12 26).

## ● Analog



MS: ALA H65

Có thể điều chỉnh đến vạch giới hạn

## ● Impression coping pop-in

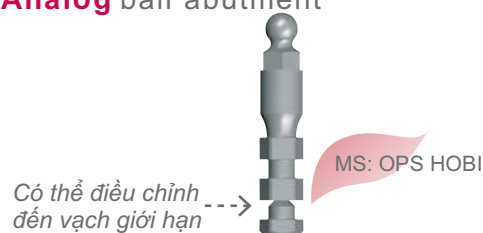
- Được đóng gói kèm theo implant.
- Màu vàng giúp tăng tính thẩm mỹ, được dùng làm phục hình tạm. Trong trường hợp này sử dụng con ốc MS: APS VF 20 93.
- Được đóng gói kèm với con ốc dài MS: APS VG 20 140.



MS: API 65 85

MỚI

## ● Analog ball abutment

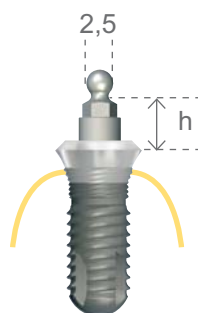


MS: OPS HOBI

Có thể điều chỉnh đến vạch giới hạn

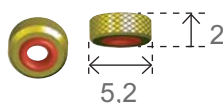
## ● Ball abutment

- Được vận bằng tay (MS: CCL HI 25 26) hoặc bằng máy (MS: CMO HI 25 26)

h 2 : MS: APA OR 48 40  
h 4 : MS: APA OR 48 60Mã số theo bộ  
APA OR COMP 48 40 (h 2)  
APA OR COMP 48 60 (h 4)

## ● O'Ring attachment

- Được đóng gói kèm với 3 vòng cao su có độ chịu lực khác nhau (50,60 và 70 shores)



MS: UPA FOR 52

## ● Khóa vận lực giác bằng tay dùng cho O'ring



MS: CCL HI 25 26

Dài

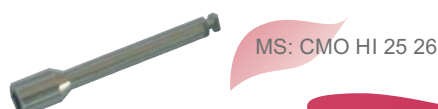
16 mm

Ngắn

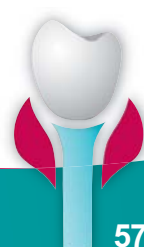
8 mm

MS: CCL HI 25 18

## ● Mũi vận lực giác bằng máy dùng cho O'ring



MS: CMO HI 25 26



LẤY DẤU

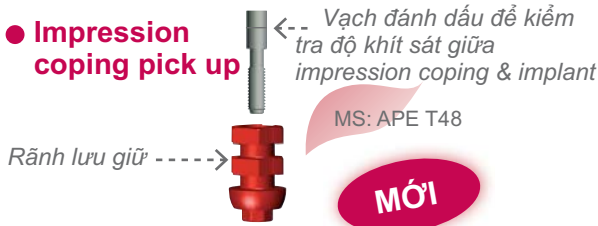
PHỤC HÌNH

# PHỤC HÌNH TOÀN HÀM TRÊN ATTACHMENT REGULAR PLATFORM



IMPRESSION

## ● Impression coping pick up



- Được đóng gói kèm với con ốc M2 dài bằng titanium TA6V (MS: APV VT 20 154).
- Được vận bằng tay (MS: CCL HE 12 22) hoặc bằng máy (MS: CMA HE 12 26).

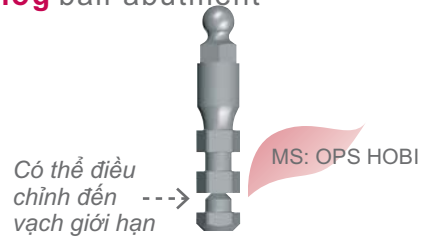
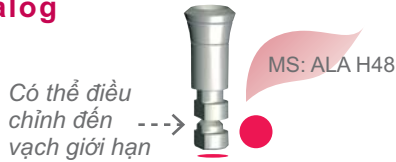
## ● Impression coping pop-in

- Được đóng gói kèm theo implant.
- Màu vàng giúp tăng tính thẩm mỹ, được dùng làm phục hình tạm. Trong trường hợp này sử dụng con ốc MS: APS VF 20 93.
- Được đóng gói kèm với con ốc dài Ref APS VG 20 140



## ● Analog ball abutment

### ● Analog

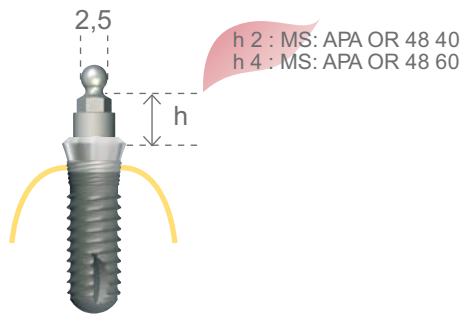


LẤY DẤU

PROTHESIS

## ● Ball abutment

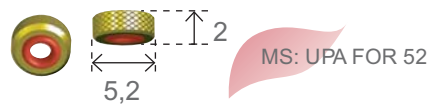
- Được vận bằng tay (MS: CCL HI 25 26) hoặc bằng máy (MS: CMO HI 25 26)



Mã số theo bộ  
APA OR COMP 48 40 (h 2)  
APA OR COMP 48 60 (h 4)

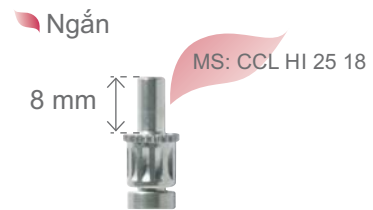
## ● O'Ring attachment

- Được đóng gói kèm với 3 vòng cao su có độ chịu lực khác nhau (50,60 và 70 shores)

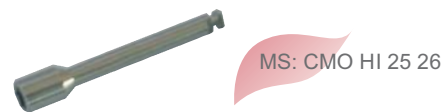


PHỤC HÌNH

## ● Khóa vận lực giác bằng tay dùng cho O'ring



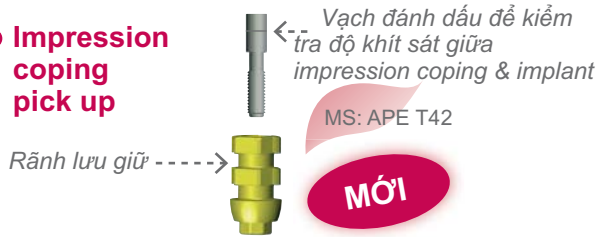
## ● Mũi vận lực giác bằng máy dùng cho O'ring



PHỤC HÌNH TOÀN HÀM TRÊN ATTACHMENT NARROW PLATFORM



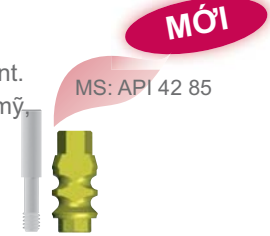
● Impression coping pick up



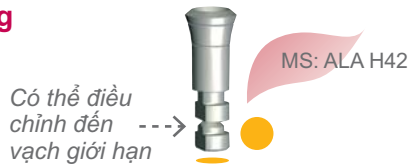
- Được đóng gói kèm với con ốc M2 dài bằng titanium TA6V (MS: APV VT 20 154).
- Được vận bằng tay (MS: CCL HE 12 22) hoặc

● Pop-in impression

- Được đóng gói kèm theo implant.
- Màu vàng giúp tăng tính thẩm mỹ, được dùng làm phục hình tạm. Trong trường hợp này sử dụng con ốc MS: APS VF 20 93.
- Được đóng gói kèm với con ốc dài MS: APS VG 20 140

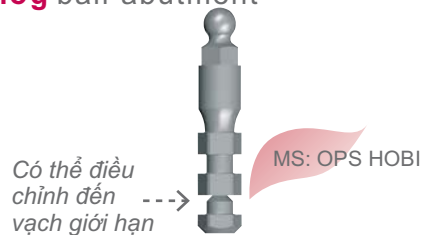


● Analog



Có thể điều chỉnh đến vạch giới hạn

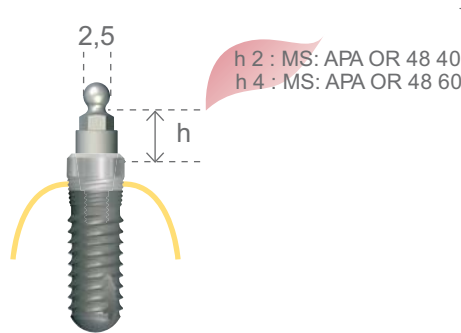
● Analog ball abutment



Có thể điều chỉnh đến vạch giới hạn

● Ball abutment

- Được vận bằng tay (MS: CCL HI 25 26) hoặc bằng máy (MS: CMO HI 25 26)

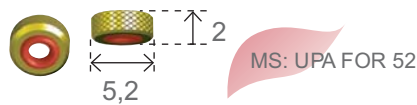


h 2 : MS: APA OR 48 40  
h 4 : MS: APA OR 48 60

Mã số theo bộ  
APA OR COMP 48 40 (h 2)  
APA OR COMP 48 60 (h 4)

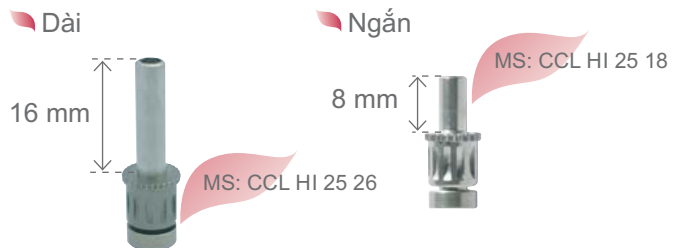
● O'Ring attachment

- Được đóng gói kèm với 3 vòng cao su có độ chịu lực khác nhau (50,60 và 70 shores)

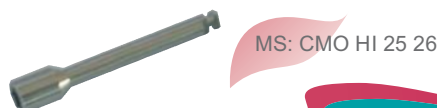


MS: UPA FOR 52

● Khóa vận lực giác bằng tay dùng cho O'ring



● Mũi vận lực giác bằng máy dùng cho O'ring



LẤY DẤU

PHỤC HÌNH

